

Số: 27/2020/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số 260/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số: 297/BC-BVHXH ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục thuộc tỉnh Lào Cai quản lý.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

3. Mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa (1000 VN đồng)
1	Dịch vụ tuyển sinh		
a)	Xét tuyển sinh vào THPT	Học sinh/đợt xét	30
b)	Xét tuyển sinh vào THCS đối với các trường có kiểm tra đánh giá năng lực học sinh.	Học sinh/đợt kiểm tra	100
2	Trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô		
a)	Xe đạp, xe đạp điện	Tháng/học sinh	35
b)	Xe máy, xe máy điện	Tháng/học sinh	70
c)	Xe ô tô (trọng tải dưới 10 tấn; ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi)	Ban ngày (lần/xe)	5
		Ban đêm (lần/xe)	10
		Tháng/xe	300
3	Đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	500
4	Tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm	Học sinh/năm học	250
5	Dịch vụ bán trú		
a)	Tiền ăn	Học sinh/ngày	25
b)	Thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh	Học sinh/tháng	80
c)	Quản lý học sinh bán trú	Tiết/học sinh	4
6	Dạy thêm, học thêm		
a)	Dạy văn hóa	Tiết/học sinh	10
b)	Dạy tin học, ngoại ngữ, kỹ năng sống, kỹ năng quản lý tài chính hướng nghiệp, khởi nghiệp	Tiết/học sinh	10
c)	Dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; tổ chức dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non; dạy năng khiếu nghệ thuật, thể thao.	Tiết/học sinh	20
d)	Dạy và học bằng tiếng Anh các môn khoa học tự nhiên	Tiết/học sinh	40
đ)	Dạy tiếng nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Trung) của giáo viên người nước ngoài	Tiết/học sinh	25
e)	Dạy ngoại ngữ, tiếng Mông	Tiết/học viên	30
g)	Dạy bồi dưỡng ngắn hạn	Tiết/học viên	50

7	Tổ chức thi thử luyện kỹ năng làm bài thi	Môn thi/lần thi/thi tự luận	30
		Môn thi/lần thi/thi trắc nghiệm	25
8	Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ	Học sinh/kỳ thi	350
9	Vật tư, đồ dùng		
a)	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	10
b)	Vật tư thực hành thí nghiệm, học nghề	Học sinh/tiết	10
c)	Hỗ trợ mua vật liệu tự làm đồ dùng, đồ chơi, trang trí nhóm lớp mầm non, tiểu học	Học sinh/năm học	70
10	Nước uống	Học sinh/tháng	10
11	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh cho học sinh ở bán trú	Học sinh/tháng	10
12	Đồ dùng bán trú		
a)	Trang bị đầu cấp	Học sinh/cấp học	250
b)	Trang bị hàng năm (nếu có)	Học sinh/năm học	50
13	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm học	70
14	Khen thưởng học sinh có thành tích	Học sinh/năm học	80

4. Tổ chức thực hiện

a) Các khoản thu dịch vụ được xác định theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí và phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; phù hợp với các dịch vụ cần thiết của cơ sở giáo dục; các khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học chỉ thực hiện khi được thỏa thuận, thống nhất giữa các cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh người học và thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước.

b) Trên cơ sở mức thu tối đa nêu trên, căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, nhu cầu của đa số cha mẹ học sinh, hàng năm Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo phân cấp quản lý phê duyệt kế hoạch, dự toán thu, chi đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch; sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành quy định quản lý, sử dụng các khoản thu dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XV, kỳ họp thứ 16, thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. *Mub*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính Phủ;
- Bộ Giáo dục, Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Công TTĐT tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH. *S*



CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong